

CÔNG AN TỈNH BẮC GIANG

**BIỂU THU PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

TT	Tên thủ tục hành chính	Loại và mức thu		Văn bản ban hành mức thu		Ghi chú
		Phí (đồng/hồ sơ)	Lệ phí (đồng/hồ sơ)	Phí	Lệ phí	
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN VỀ AN NINH TRẬT TỰ					
1	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự	300.000đ	Không	Điều 1 Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ Tài chính		
2	Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự	Không	Không			
3	Cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự	Không	Không			
II	LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ, QUẢN LÝ CON DẤU					
4	Đăng ký mẫu con dấu mới	Không	Không			
5	Đăng ký lại mẫu con dấu	Không	Không			
6	Đăng ký thêm con dấu	Không	Không			
7	Đăng ký dấu nổi, dấu thu nhỏ, dấu xi	Không	Không			
8	Đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu	Không	Không			



III LĨNH VỰC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ						
9	Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy:					
	- Đối với đồ án quy hoạch xây dựng	Không	Không			
	- Đối với chấp thuận địa điểm xây dựng công trình	Không	Không			
	- Đối với thiết kế cơ sở của dự án, công trình	Không	Không			
	- Đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (lần đầu) dự án, công trình	Không	<i>Có giải thích cách tính kèm theo (1)</i>		Điều 5 và Biểu mức tỷ lệ tính phí 2, 3 kèm theo Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài Chính; Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính	
	- Đối với cải tạo, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình					
	- Đối với phương tiện giao thông cơ giới có yêu cầu đặc biệt về bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy					
10	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	Không	Không			
11	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ thuộc loại 1, loại 2, loại 3, loại 4 và loại 9 bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trên	Không	Không			

	đường thủy nội địa (trừ vật liệu nổ công nghiệp)					
12	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ trên đường sắt (trừ vật liệu nổ công nghiệp)	Không	Không			
13	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Không	Không			
14	Cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Không	Không			
15	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ cứu nạn, cứu hộ	Không	Không			
16	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy	Không	Không			
17	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không			
18	Cấp đổi Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không			
19	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không			
20	Nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy	Không	Không			
21	Phê duyệt phương án chữa cháy của cơ sở	Không	Không			
22	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Không	Không			



23	Cấp Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không		
24	Cấp đổi Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không		
25	Cấp lại Chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy	Không	Không		

(1) Cách tính lệ phí Thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy:

$$\text{Lệ phí} = \frac{\text{Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt}}{\text{Tỷ lệ tính phí}}$$

- Mức tối thiểu là 500.000 đồng/dự án và tối đa là 150.000.000 đồng/dự án.

- Cách tính tỷ lệ tính phí

$$N_{it} = N_{ib} - \left\{ \frac{N_{ib} - N_{ia}}{G_{ia} - G_{ib}} \right\} \times (G_{it} - G_{ib})$$

Trong đó:

- N_{it} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i theo quy mô giá trị cần tính (Đơn vị tính: %).
- G_{it} là giá trị tổng mức đầu tư của dự án thứ i cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
- G_{ia} là giá trị tổng mức đầu tư cận trên giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
- G_{ib} là giá trị tổng mức đầu tư cận dưới giá trị tổng mức đầu tư của dự án cần tính phí thẩm duyệt (Đơn vị tính: Tỷ đồng).
- N_{ia} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng G_{ia} (Đơn vị tính: %).
- N_{ib} là tỷ lệ tính phí của dự án thứ i tương ứng G_{ib} (Đơn vị tính: %).

Lưu ý: Trong khoảng thời gian kể từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 30/6/2021, mức thu phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy được tính bằng 50% mức thu phí theo quy định nêu trên, theo quy định của Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch COVID-19.

Ví dụ 1: Tổng mức đầu tư dự án phê duyệt mua tàu thủy để vận chuyển hàng hóa là 30 tỷ đồng (trước thuế).

- Trong đó:

+ $G_{it} = 30$ tỷ đồng;

+ $G_{ia} = 50$ tỷ đồng;

+ $G_{ib} = 05$ tỷ đồng;

+ $N_{ia} = 0,01279\%$ (tra biểu mức tỷ lệ tính phí 2);

+ $N_{ib} = 0,02430\%$ (tra biểu mức tỷ lệ tính phí 2);

Tỷ lệ tính phí là

$$N_{it} = 0,02430 - \left\{ \frac{0,0243 - 0,01279}{50 - 5} \right\} \times (30 - 5)$$

=> $N_{it} = 0,0179\%$

Lệ phí = $(30.000.000.000^d \times 0,0179\%) = 5.370.000$ đồng

Theo quy định của Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 thì Lệ phí phải nộp là: $50\% \times 5.370.000 = 2.685.000$ đồng

Ví dụ 2: Tổng mức đầu tư phê duyệt dự án nhà máy sản xuất linh kiện điện tử là 40 tỷ đồng (trước thuế).

- Trong đó:

+ $G_{it} = 40$ tỷ đồng;

+ $G_{ia} = 100$ tỷ đồng;

+ $G_{ib} = 15$ tỷ đồng;

+ $N_{ia} = 0,00523\%$ (tra biểu mức tỷ lệ tính phí 1);

+ $N_{ib} = 0,00967\%$ (tra biểu mức tỷ lệ tính phí 1);

Tỷ lệ tính phí là

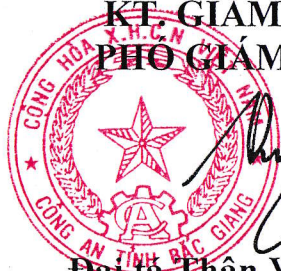
$$N_{it} = 0,00967 - \left\{ \frac{0,00967 - 0,00523}{100 - 15} \right\} \times (40 - 15)$$

=> $N_{it} = 0,00836\%$

Lệ phí = $(40.000.000.000^d \times 0,00836\%) = 3.344.000$ đồng

Theo quy định của Thông tư số 112/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020 thì Lệ phí phải nộp là: $50\% \times 3.344.000 = 1.672.000$ đồng.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá Thân Văn Duy